**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN**

**HỌC KỲ:** ....... **NĂM HỌC:** ........... **-** …........

Họ và tên: Ngày sinh:

Mã số sinh viên: Lớp:

Ngành học: Khóa học:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **Khung điểm** tối đa (điểm) | **Điểm** (do sinh viên tự đánh giá) | **Điểm** (do tập thể lớp đánh giá) | **MÔ TẢ CHI TIẾT** |
| **I. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP** | **20** |  |  |  |
| - Có đi học chuyên cần, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học; đủ điều kiện dự thi tất cả các học phần.  *(Không đủ điều kiện dự thi 01 học phần bị trừ 02 điểm. Không đủ điều kiện dự thi từ 02 học phần trở lên bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 4 |  |  | Vắng 1 buổi học: Không phép trừ 0,5 điểm |
| - Có đăng ký, thực hiện, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học đúng tiến độ hoặc đăng ký, tham dự kỳ thi sinh viên giỏi các cấp. | 2 |  |  | Có đăng ký đề tài SV NCKH cấp Khoa trở lên |
| - Có ý thức tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa. | 2 |  |  | Có một trong 3 điều kiện (minh chứng, các hoạt động Khoa tổ chức hoặc hoạt động do lớp tự tổ chức, Ban Cán sự lớp tự đánh giá) |
| - Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra.  *(Vi phạm 01 lần bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ hai trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 6 |  |  | 1 lần vi phạm quy chế thi, bị lập biên bản: Trừ 3 điểm |
| - Được tập thể lớp công nhận có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập. | 2 |  |  | Xét cộng tất cả (thảo luận) |
| - Kết quả học tập:  + ĐTBCHK từ 3,2 đến 4,0  + ĐTBCHK từ 2,0 đến 3,19  + ĐTBCHK dưới 2,0: | 4  2  0 |  |  |  |
| **Cộng mục I:** |  |  |  |  |
| **II. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG NHÀ TRƯỜNG** | **25** |  |  |  |
| - Có ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cấp trên và ĐHĐN được thực hiện trong nhà trường.  *(Vi phạm 01 lần bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ hai trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 6 |  |  | Xét cộng tất cả (thảo luận) |
| - Có ý thức tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu các cuộc vận động, sinh hoạt chính trị theo chủ trương, của cấp trên, ĐHĐN và nhà trường.  *(Không tham gia 01 lần hoặc vi phạm quy định của các cuộc vận động bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ hai trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 4 |  |  | Vắng đại hội đầu năm, vắng lao động, vắng điều động… 1 buổi trừ 1 điểm. |
| - Có ý thức chấp hành nội quy, quy chế và các quy định của nhà trường.  *(Vi phạm 01 lần bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ ba trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 10 |  |  | Phòng KH-HTPT&CTSV đã có thông báo về việc kiểm tra nội quy, 1 lần bị lập biên bản trừ 2 điểm |
| - Đóng học phí và các khoản thu khác đầy đủ, đúng hạn.  *(Không đóng học phí hoặc đóng học phí trễ hạn (không có phép) bị trừ 05 điểm)* | 5 |  |  | Có dánh sách chậm học phí trừ 2 điểm |
| **Cộng mục II:** |  |  |  |  |
| **III. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG RÈN LUYỆN VỀ CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI** | **20** |  |  |  |
| - Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” (đánh giá chung cho cả hai học kỳ trong năm học)  *(Vắng 01 lần (không có phép) bị trừ 02 điểm; Tham gia nhưng kết quả không đạt thì phải học lại và bị trừ 04 điểm; Không tham gia thì phải học lại và bị trừ 10 điểm)* | 10 |  |  |  |
| - Có ý thức tham gia đầy đủ, nghiêm túc hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao do nhà trường và ĐHĐN tổ chức, điều động.  *(Vắng 01 lần (không có phép) bị trừ 02 điểm)* | 6 |  |  |  |
| - Có ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội trong nhà trường. | 2 |  |  | Xét cộng tất cả (thảo luận) |
| - Có ý thức tham gia các hoạt động tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong nhà trường. | 2 |  |  | Xét cộng cho tất cả |
| **Cộng mục III:** |  |  |  |  |
| **IV. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG** | **25** |  |  |  |
| - Có ý thức chấp hành, tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước  *(Vi phạm 01 lần bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ hai trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 4 |  |  | Vi phạm pháp luật có văn bản gửi về Trường: trừ 4 điểm |
| - Có tham gia bảo hiểm y tế (bắt buộc) theo Luật bảo hiểm y tế  *(Không tham gia bảo hiểm y tế (bắt buộc) bị trừ 10 điểm)* | 10 |  |  |  |
| - Có ý thức chấp hành, tham gia tuyên truyền các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và “văn hóa giao thông”  *(Vi phạm 01 lần bị trừ 02 điểm, từ lần vi phạm thứ hai trở đi bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí)* | 5 |  |  | Vi phạm có văn bản gửi về Trường: trừ 5 điểm |
| - Có ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương khen thưởng. | 4 |  |  | Có tham gia (Giấy chứng nhận, ví dụ hiến máu): tính 3 điểm  Tham gia có thành tích: 4 điểm |
| - Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người gặp khó khăn, hoạn nạn. | 2 |  |  | Xét cộng tất cả (thảo luận) |
| **Cộng mục IV:** |  |  |  |  |
| **5. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ KHI THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN** | **10** |  |  |  |
| - Có ý thức, uy tín và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, tổ chức khác trong nhà trường | 3 |  |  | Theo mức độ đóng góp cho lớp, đề xuất:  + UV BTV Đoàn Trường, UV BCH Đoàn Cơ quan trở lên, UV BTK HSV ĐHĐN, Bí thư chi đoàn, lớp trưởng, Chủ nhiệm CLB: 3 điểm  + UV BCH Đoàn Trường, Lớp phó, Phó BT, Phó chủ nhiệm: 2,5 điểm  + UV BCH Chi đoàn, Thành viên BCN: 1-2 điểm |
| - Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường. | 2 |  |  | Lớp đánh giá các đối tượng ở mục 5.1 để xét |
| - Hỗ trợ tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể khoa, trường và Đại học Đà Nẵng. | 3 |  |  | Lớp đánh giá các đối tượng ở mục 5.1 và sinh viên tích cực khác thông qua minh chứng để xét |
| - Đạt thành tích trong học tập, rèn luyện (được tặng bằng khen, giấy khen, chứng nhận, thư khen của các cấp). | 2 |  |  | Đạt thành tích cá nhân được khen thưởng  + Cấp Trường/Xã/Phường: 1 điểm  + Cấp Cơ quan ĐHĐN: 1,5 điểm  + Cấp ĐHĐN, Huyện/Quận trở lên: 2 điểm |
| **Cộng mục V:** |  |  |  |  |
| **TỔNG SỐ ĐIỂM (mục I đến mục V)** |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

Xếp loại Kết quả rèn luyện: Từ 90 đến 100 điểm: Xuất sắc; Từ 80 đến dưới 90 điểm: Tốt; Từ 65 đến dưới 80 điểm: Khá; Từ 50 đến dưới 65 điểm: Trung bình; Từ 35 đến dưới 50 điểm: Yếu; Dưới 35 điểm: Kém.